

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2025/DS-PT

Ngày: 16-01-2025

V/v hủy văn bản phân chia di sản thừa
kế và chia thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán: Ông Dương Hùng Quang
Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thế Bắc, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 496/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2024, về việc “Hủy văn bản phân chia di sản thừa kế và chia thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 313/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 505/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Thu B, sinh năm 1957; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Trần Nhật L, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Minh Đ, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Khóm B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Trần Minh T, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Tăng Minh T1, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Khóm B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

2. Anh Tăng Minh H, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Khóm B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

3. Chị Trần Thị Phương T2, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Khóm B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.
 4. Ông Trần Văn Đ1, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.
 5. Anh Trần Minh T, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.
 6. Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Chung cư R, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).
 7. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Ấp Q, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang.
 8. Anh Nguyễn Thanh Đ2, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Ấp Q, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang.
 9. Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Ấp Q, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang.
 10. Bà Phạm Thị X; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.
 11. Chị Đoàn Kim C; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.
 12. Anh Đoàn Thành Đ3; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.
 13. Chị Đoàn Kim T3; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.
 14. Chị Lê Thị H1; địa chỉ cư trú: Khóm B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.
- *Người kháng cáo:* Bà Đoàn Thị Thu B là nguyên đơn. Ông Trần Minh Đ là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Đoàn Thị Thu B trình bày: Nguồn gốc phần đất diện tích 38.125,1m² tọa lạc ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau là của cụ Sáu L1 chuyển nhượng lại cho bà và ông Đ1 nhưng để cụ Trần Thị T4 đứng tên. Trong quá trình chung sống với cụ T4, cụ H2 có chung sống với bà Phạm Thị X nên bà và ông Đ1 có cho bà X 9.000m², sau đó đến khoảng năm 2011, bà X chuyển nhượng 9.000m² lại cho anh Đ. Khoảng tháng 10/2017, anh Đ nói với bà B ký làm thủ tục vay vốn tại Ngân hàng. Nhưng đến ngày 28/12/2017, bà B và anh Đ ký kết Văn bản thỏa thuận phân chia di sản, nội dung giao quyền sử dụng đất cho anh Trần Minh Đ quản lý, sử dụng đối với phần đất diện tích 39.320m² thuộc thửa 20, 21 tờ bản số 13, đất tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Ngày 07/11/2018, anh Đ chuyển nhượng một phần đất cho anh Tăng Minh T1, sau đó anh T1 tiếp tục chuyển nhượng đất cho anh Tăng Minh H và anh H đã được cấp quyền sử dụng ngày 23/02/2024. Cụ Đoàn Thành H2 chết năm 2006, không có di chúc và cụ Trần Thị T4 chết năm 2007, không có di chúc. Cụ H2 và cụ T4 có với nhau hai người con chung gồm có: Bà Đoàn Thị Thu B và bà Đoàn Hoàng O (chết năm 1980), bà O có các con gồm: Chị Nguyễn Thị K, anh Nguyễn Văn S, anh Nguyễn Thanh Đ2 và chị Nguyễn Hồng N. Cụ H2 sống chung với bà X có với nhau 03 người con gồm có: Chị Đoàn Kim C, anh Đoàn Thành Đ3 và chị Đoàn Kim T3.

Bà Đoàn Thị Thu B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy văn bản phân chia di sản giữa bà B với anh Đ lập ngày 28/12/2017 và buộc anh Trần Minh Đ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C147508 do UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận thửa 20, 21 tờ bản số 13, đất tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Ngày 16/4/2024, bà B có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Tại Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05/8/2024 và tại phiên tòa: Bà Ba yêu hủy văn bản phân chia di sản ngày 28/12/2017 giữa bà với anh Đ.

Anh Trần Minh Đ trình bày: Khoảng năm 2011, anh có sang nhượng của bà X 9.000m², giá 50.000.000đ. Ngoài ra, ngày 20/8/2005 cụ T4 có 12.300m² đất cho bà Trịnh Thị T5, giá 12 cây vàng 24k. Năm 2012 bà T5 khởi kiện yêu cầu trả vàng cầm cố và cha mẹ anh đã thống nhất trả cho bà T5 số vàng trên, năm 2015 anh trả bà T5 số vàng trên và mua phần đất cầm cố. Năm 2009, anh đã chuyển nhượng hai phần đất cho anh Tăng Minh T1 và trong năm anh đã mượn đất để vay Ngân hàng N2 – chi nhánh huyện Đ. Anh đồng ý trả lại đất cho bà B.

Anh Trần Minh T trình bày: Anh thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà B về việc yêu cầu hủy văn bản phân chia di sản ngày 28/12/2017 giữa bà B với anh Đ.

Chị Nguyễn Thị K trình bày: Chị yêu cầu hủy văn bản phân chia di sản giữa bà B với anh Đ lập ngày 28/12/2017 và yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo pháp luật cho chị, anh S và chị N mỗi người được hưởng phần đất diện tích 3.932m².

Anh Tăng Minh H trình bày: Ngày 25/9/2018, anh Tăng Minh T1 đứng ra nhận chuyển nhượng thay cho anh một phần đất do anh Trần Minh Đ đứng tên, giá 70.000.000đ/công, anh đã nhận đất và giao đủ tiền cho anh Đ. Sau đó, anh T1 đã làm thủ tục chuyển sang cho anh và hiện tại anh đã đứng tên quyền sử dụng. Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần đất anh nhận chuyển nhượng từ anh Đ.

Ông Trần Văn Đ1 trình bày: Nguồn gốc phần đất 38.125,1m² tọa lạc ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau là của cụ Sáu L1 chuyển nhượng lại cho ông và bà B nhưng để cụ Trần Thị T4 đứng tên. Trong quá trình chung sống với cụ T4, cụ H2 có chung sống với bà Phạm Thị X nên ông bà có cho bà X 9.000m², sau đó đến khoảng năm 2011 bà X chuyển nhượng 9.000m² lại cho anh Đ. Ngoài ra, ngày 20/8/2005 cụ T4 có 12.300m² đất cho bà Trịnh Thị T5, giá 12 cây vàng 24k. Năm 2012 bà T5 khởi kiện yêu cầu trả vàng cầm cố và bà B đã thống nhất trả cho bà T5 số vàng trên, năm 2015 anh Đ đã trả bà T5 số vàng trên và mua phần đất cầm cố. Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 313/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Thu B về việc yêu cầu hủy văn bản phân chia di sản ngày 28/12/2017 giữa bà Đoàn Thị Thu B với anh Trần Minh Đ đối với phần đất diện tích 13.868,8m².

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Thu B về việc yêu cầu hủy văn bản phân chia di sản ngày 28/12/2017 giữa bà Đoàn Thị Thu B với anh Trần Minh Đ đối với phần đất diện tích 24.256,3m².

Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Đoàn Thị Thu B về việc yêu cầu anh Trần Minh Đ trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C147508 do UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận thửa 20, 21 tờ bản số 13, đất tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị K, anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị N1. Phân chia cho chị Nguyễn Thị K được hưởng phần đất diện tích 7.627,9m² thuộc thửa 30A, tờ bản đồ số 3 tọa lạc ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, có tứ cận: Hướng Đông giáp kênh Chông Mỹ đoạn M17M8 dài 35,76m, đoạn M8M9 dài 54,95m; hướng Tây giáp đất anh Tăng Minh H đoạn M12M16 dài 100,52m; hướng Nam giáp đất anh Tăng Minh H đoạn M9M10 dài 60m, đoạn M10M11 dài 11,02m, đoạn M11M12 dài 25,96m; hướng Bắc giáp phần đất bà B, ông Đ1 và anh T đang sử dụng đoạn M16M17 dài 71,16m. Buộc bà Đoàn Thị Thu B, anh Trần Minh Đ, ông Trần Văn Đ1 và anh Trần Minh T giao cho chị Nguyễn Thị K phần đất diện tích 7.627,9m² nêu trên.

Tạm giao cho bà Đoàn Thị Thu B quản lý, sử dụng phần đất diện tích 6.240,9m².

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 07 tháng 10 năm 2024, bà Đoàn Thị Thu B và ông Trần Minh Đ kháng cáo bản án sơ thẩm.

Bà B yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy phân chia thừa kế của bà Nguyễn Thị K vì phần đất nêu trên do bà B, ông Đ1 nhận chuyển nhượng từ người khác nên bà K không được hưởng thừa kế.

Ông Đ yêu cầu buộc ông Đ1, bà B hoặc những người thừa kế của bà T4 được phân chia di sản có trách nhiệm, nghĩa vụ trả cho ông Đ 12 lượng vàng 24K mà ông Đ đã trả cho bà T5 để chuộc lại phần đất mà bà T4 đã cầm cố cho bà T5.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Trần Minh Đ. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 313/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm đại diện hợp pháp của bà Đoàn Thị Thu B vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đại diện hợp pháp của anh Trần Minh Đ rút kháng cáo.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Đoàn Thị Thu B, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Đoàn Thị Thu B cho rằng phần đất đang tranh chấp do bà và ông Trần Văn Đ1 là người chuyển nhượng, không phải đất của cụ T4 nên không đồng ý chia thừa kế cho bà Trần Thị K1. Tại phiên toà đại diện hợp pháp của bà Đoàn Thị Thu B xác nhận cụ Trần Thị T4 sử dụng đất từ năm 1975, cụ T4 đứng tên quyền sử dụng năm 1993. Như vậy, quá trình cụ T4 sử dụng đất và đứng tên quyền sử dụng đất không phát sinh tranh chấp, kể cả vào năm 2005 cụ T4 cầm cố quyền sử dụng đất, có sự thống nhất của bà Đoàn Thị Thu B và ông Trần Văn Đ1, không có sự tranh chấp của các thành viên khác trong gia đình. Điều này chứng minh được cụ Trần Thị T4 có sử dụng đất, có quyền quyết định liên quan đến quyền sử dụng đất do cụ T4 đứng tên, khi Trần Thị T4 chết thì di sản của cụ T4 để lại được chia cho những người trong hàng thừa kế của cụ T4 được hưởng, nên kháng cáo của bà Đoàn Thị Thu B cho rằng không phải đất của cụ Trần Thị T4 là không có cơ sở, không có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm phía bà Đoàn Thị T6 Ba không cung cấp tài liệu chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị Thu B.

[3] Đối với kháng cáo của anh Trần Minh Đ: Đại diện hợp pháp của anh Trần Minh Đ xin rút kháng cáo, việc rút kháng cáo của anh Trần Minh Đ đại diện anh Đ là hợp pháp, trong phạm vi được uỷ quyền nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Trần Minh Đ.

[4] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị Thu B, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Trần Minh Đ. Như nhận định trên, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Các Quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí phúc thẩm bà Đoàn Thị Thu B được miễn do là người cao tuổi, anh Trần Minh Đ phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 122, 124, 129, 131, 407, 408, 612, 613, 615, 623, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị Thu B, đình chỉ xét xử phúc

thẩm đối với kháng cáo của anh Trần Minh Đ. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 313/2024/DS – ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Thu B về việc yêu cầu hủy văn bản phân chia di sản ngày 28/12/2017 giữa bà Đoàn Thị Thu B với anh Trần Minh Đ đối với phần đất diện tích 13.868,8m².

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Thu B về việc yêu cầu hủy văn bản phân chia di sản ngày 28/12/2017 giữa bà Đoàn Thị Thu B với anh Trần Minh Đ đối với phần đất diện tích 24.256,3m².

Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Đoàn Thị Thu B về việc yêu cầu anh Trần Minh Đ trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C147508 do UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận thửa 20, 21 tờ bản số 13, đất tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị K, anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị N1. Phân chia cho chị Nguyễn Thị K được hưởng phần đất diện tích 7.627,9m² thuộc thửa 30A, tờ bản đồ số 3 tọa lạc ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, có tứ cận: Hướng Đông giáp kênh Chông Mỹ đoạn M17M8 dài 35,76m, đoạn M8M9 dài 54,95m; hướng Tây giáp đất anh Tăng Minh H đoạn M12M16 dài 100,52m; hướng Nam giáp đất anh Tăng Minh H đoạn M9M10 dài 60m, đoạn M10M11 dài 11,02m, đoạn M11M12 dài 25,96m; hướng Bắc giáp phần đất bà B, ông Đ1 và anh T đang sử dụng đoạn M16M17 dài 71,16m. Buộc bà Đoàn Thị Thu B, anh Trần Minh Đ, ông Trần Văn Đ1 và anh Trần Minh T giao cho chị Nguyễn Thị K phần đất diện tích 7.627,9m² nêu trên.

Tạm giao cho bà Đoàn Thị Thu B quản lý, sử dụng phần đất diện tích 6.240,9m².

(Kèm theo bản vẽ hiện trạng (bổ sung) ngày 23/9/2024).

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đoàn Thị Thu B, anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị N1 không phải chịu. Anh S, chị N1 mỗi người đã nộp tạm ứng án phí 4.500.000đ theo các biên lai thu số 0001007, 0001006 cùng ngày 09/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi được nhận lại.

- Anh Trần Minh Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

- Chị Nguyễn Thị K phải chịu 21.309.000đ (hai mươi một triệu ba trăm lẻ chín nghìn đồng), chị đã nộp tạm ứng án phí 4.500.000đ theo biên lai thu số 0001005 ngày 09/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi được đối trừ, chị K còn phải nộp tiếp 16.809.000đ (mười sáu triệu tám trăm lẻ chín nghìn đồng).

5. Chi phí tố tụng: Bà Đoàn Thị Thu Ba P chịu 26.287.000đ. Chị K phải chịu 9.328.000đ. Buộc bà B có trách nhiệm thanh toán cho chị K 17.287.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đoàn Thị Thu B được miễn nộp. Ông Trần Minh Đ phải chịu 300.000 đồng. Vào ngày 07 tháng 10 năm 2024, ông Đ đã dự nộp 300.000 đồng, biên lai số 0001834, được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hà